

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VT
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Cảnh
2. Bà Đinh Thị Thươn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đức Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1994, địa chỉ: Thôn ĐT, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định – Có mặt.

- Bị đơn: Anh Võ Hồng T, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn ĐT, xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/11/2022, được bổ sung bằng lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Hồng T đăng ký kết hôn vào ngày 21/4/2015 tại UBND xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định.

Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, chị cho rằng anh T ngoại tình, thay đổi tâm tính, không còn quan tâm vợ con như trước đây. Năm 2020 phát sinh thêm việc anh T nợ nần, chị và gia đình đã gánh trả nợ cho anh T, anh T có hứa hẹn sửa đổi, nhưng chuyện anh T không chấm dứt ngoại tình khiến chị bị ức chế, vợ chồng thường hay kinh cãi, có lần

giảng co, gia đình phải can ngăn. Tháng 8/2022, vợ chồng chị có tự nguyện làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn định để gửi cho Tòa án, nhưng sau đó anh T lại thay đổi suy nghĩ, không muốn ly hôn vì cho rằng đàn ông ra ngoài xã hội ai cũng như thế. Anh T khiến chị đau khổ, cuộc sống chung không còn ý nghĩa, chị mong muốn chấm dứt hôn nhân này, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chồng là anh Võ Hồng T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung, là các cháu: Võ Hoàng Linh T1 (sinh ngày: 14/5/2016) và cháu Võ Hoàng Phi L1 (sinh ngày: 08/01/2018), hiện 02 cháu đang sống với mẹ. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng cho 02 con hàng tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/cháu/tháng) đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị L, cho chị L được ly hôn anh T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị L, giao 02 con chung là các cháu: Võ Hoàng Linh T1 (sinh ngày: 14/5/2016) và Võ Hoàng Phi L1 (sinh ngày: 08/01/2018) cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con hàng tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/cháu/tháng) đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn anh T cư trú tại huyện VT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng, đủ về thủ tục tố tụng, tạo điều kiện, đảm bảo quyền của đương sự tham gia tố tụng theo quy định. Nguyên đơn chị L chấp hành nghiêm túc, đầy đủ. Riêng bị đơn anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ hợp

pháp của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã niêm yết, thông báo, triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh T tiếp tục vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Võ Hồng T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/4/2015 tại UBND xã VH, huyện VT, tỉnh Bình Định – Đây là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, cho thấy: Sau khi kết hôn, cuộc sống chung ban đầu của chị L và anh T hạnh phúc, nhưng đến năm 2020, có thông tin anh T vướng nợ nần, cuộc sống gia đình bị thay đổi.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án liên hệ, thông báo, triệu tập, hòa giải để các bên đương sự có điều kiện đoàn tụ với nhau, nhưng anh T không thiện chí, không hợp tác. Mặc dù không xuất trình được chứng cứ tố anh T ngoại tình, nhưng quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa, chị L cho rằng hôn nhân với anh T khiến chị đau khổ, chị không còn niềm tin để chung sống với anh T, chị kiên quyết yêu cầu ly hôn anh T. Như vậy, có cơ sở chứng minh hôn nhân của chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao các cháu T1, L1 cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng với mức 1.500.000 đồng/cháu/tháng đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi. Đồng thời đảm bảo theo luật định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với con chung, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng sung quỹ Nhà nước;

- Án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng): Anh T phải chịu 300.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

[6]. Với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Các Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L đối với bị đơn anh Võ Hồng T, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn anh Võ Hồng T.
- Về con chung: Giao 02 con chung của chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Võ Hồng T, là các cháu: Võ Hoàng Linh T1 (sinh ngày: 14/5/2016) và Võ Hoàng Phi L1 (sinh ngày: 08/01/2018) cho chị L được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) (*1.500.000 đồng/cháu/tháng*); Hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2023 đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các cháu T1, L1 được sống chung với người trực tiếp nuôi (Chị L). Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh T. Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước;
- Án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng): Anh Võ Hồng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Võ Hồng T không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày anh T nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện VT;
- CCTHADS huyện VT;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
(UBND xã VH, VT, Bình Định).
- P.KTNV và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mai Đào